TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hphúc**

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Trần Thanh Việt

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐXX- ST ngày 12 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Hồng N, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Số 28/2C N, khóm B2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Tiến V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 259/1C đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Vương Thị Mỹ V, sinh năm 1972; (vắng mặt).

Bà Vương Thị Mỹ L, sinh năm 1969; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 09N5 đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số 09N5 đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2018, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Hồng N trình bày:* Do quen biết, bà Ncó cho bà Vương Thị Mỹ V và Vương Thị Mỹ L vay số tiền 275.000.000 đồng. Bà V, bà L vay số tiền trên bổ sung vốn làm ăn gia đình; không xác định thời hạn vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng. Trước đó, ngày 20/3/2010 bà V có vay số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 24/3/2010 bà V đã trả xong số tiền này. Bà V tiếp tục vay các khoản tiền như sau:

- Ngày 24/3/2010 bà V vay 30.000.000 đồng (bà V viết biên nhận và ký tên giao cho bà N giữ). Bà V nhận tiền tại nhà bà N.

- Ngày 05/4/2010 bà V vay 25.000.000 đồng (bà V viết biên nhận và ký tên giao cho bà N giữ). Bà V nhận tiền tại nhà bà N.

- Ngày 11/5/2010 bà V vay 30.000.000 đồng (bà V viết biên nhận và ký tên giao cho bà N giữ). Bà V nhận tiền tại nhà bà N.

- Ngày 02/6/2010 bà L vay 30.000.000 đồng (bà L viết biên nhận và ký tên giao cho bà N giữ). Bà L nhận tiền tại nhà bà N.

- Ngày 13/7/2010 bà V vay 160.000.000 đồng (bà V viết biên nhận và ký tên giao cho bà N giữ). Lần này, để làm tin vay thì bà H(mẹ ruột của bà V và bà L) cùng đi với bà V có đưa cho bà N01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03343 QSDĐ/eA do UBND thành phố L cấp ngày 09/10/2003 cho ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Hđứng tên và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5001050748 do UBND thành phố L cấp ngày 29/4/2005 ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị H cùng đứng tên. Hiện nay giấy tờ nhà, đất (bản chính) bà N đang giữ.

Nhiều lần bà N có đến nhà yêu cầu bà V, bà L trả cho bà số tiền trên nhưng bà V, bà L cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Từ khi vay cho đến nay, bà V và bà L không đóng lãi và trả vốn cho bà.

Nay bà Trương Hồng N yêu cầu bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Ntổng cộng số tiền vay là 275.000.000 đồng. (Trong đó bà Vương Thị Mỹ V là 245.000.000 đồng; bà Vương Thị Mỹ L 30.000.000 đồng). Không yêu cầu tính lãi.

* Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa*:

Bị đơn bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hvắng mặt không lý do. Bà Trương Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Ntổng cộng số tiền vay là 275.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục từ khi khai mạc phiên tòa cho đến phần tranh tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hđúng theo quy định. Do đó, các đương sự đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hồng N, buộc bị đơn bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L phải trả cho bà Nsố tiền 275.000.000 đồng, trong đó bà Vương Thị Mỹ V là 245.000.000 đồng; bà Vương Thị Mỹ L 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Hồng N khởi kiện yêu cầu bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] **Về tố tụng**:

Bị đơn bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hđã được triệu tập hợp lệ đến lần hai nhưng các đương sự vẫn vắng mặt tại phiên tòa, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị H không gây trở ngại cho việc xét xử;

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng cư trú bị đơn được Công an phường Mỹ Phước xác nhận hiện nay bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại địa chỉ số 09N5 đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp các vấn đề có liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xét đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị H.

[2] **Về nội dung**:

Theo các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, cụ thể: các biên nhận có dòng chữ "ngày 24/3/2010 lấy 30.000.000 đồng (10 ngày trả lại)", phía dưới có dòng chữ "ngày 05/4/2010 lấy 25.000.000 đồng"; Biên nhận các ngày 11/5/2010, 02/6/2010 và ngày 13/7/2010 thể hiện bà Ncó cho bà V, bà L vay 275.000.000 đồng. (Trong đó bà Vương Thị Mỹ V là 245.000.000 đồng; bà Vương Thị Mỹ L 30.000.000 đồng).

Tuy bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa, bà Nthừa nhận có xác lập hợp đồng vay thể hiện tại chứng cứ là các biên nhận nợ vay do bà Ngiao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thể hiện bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L có vay của bà Trương Hồng N. Như vậy giữa bà Trương Hồng N với Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau và hợp đồng vay tài sản này được hai bên đương sự xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ. Hội đồng xét xử công nhận các biên nhận có dòng chữ "ngày 24/3/2010 lấy 30.000.000 đồng (10 ngày trả lại)", phía dưới có dòng chữ "ngày 05/4/2010 lấy 25.000.000 đồng"; Biên nhận các ngày 11/5/2010, 02/6/2010 và ngày 13/7/2010 là có thật, do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N yêu cầu bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L trả nợ là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng N.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L phải thanh toán trả cho Trương Hồng N số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy

mươi lăm triệu đồng). (Trong đó bà Vương Thị Mỹ V là 245.000.000 đồng; bà Vương Thị Mỹ L 30.000.000 đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03343 QSDĐ/eA ngày 09/10/2003 do UBND thành phố L cấp mang tên ông Vương Văn L và bà Nguyễn Thị H; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5001050748 ngày 29/4/2005 do UBND thành phố L cấp mang tên ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị H. Hiện nay giấy tờ nhà, đất (bản chính) bà Trương Hồng N đang giữ là không đúng theo quy định pháp luật nên bà Trương Hồng N phải có trách nhiệm trả lại bản chính cho bà Nguyễn Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03343 QSDĐ/eA ngày 09/10/2003 do UBND thành phố L cấp mang tên ông Vương Văn L và bà Nguyễn Thị H; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5001050748 ngày 29/4/2005 do UBND thành phố L cấp mang tên ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị Hcho chủ sử dụng. (ông Vương Văn L đã chết ngày 06/10/2007 theo Giấy chứng tử Ủy ban nhân dân xã T, huyện P chứng nhận).

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ mà mình thực hiện là 13.750.000 đồng (số tiền phải trả 275.000.000 đồng x 5%). Bà Vương Thị Mỹ V phải chịu 12.250.000 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bà Vương Thị Mỹ L phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hồng N, nên bà Nkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bà Trương Hồng N được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hồng N.

Buộc bà Vương Thị Mỹ V và bà Vương Thị Mỹ L phải thanh toán trả cho bà Trương Hồng N số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Trong đó bà Vương Thị Mỹ V phải thanh toán là 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng); bà Vương Thị Mỹ L phải thanh toán là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Bà Trương Hồng N phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03343 QSDĐ/eA ngày 09/10/2003 do UBND thành phố L cấp mang tên ông Vương Văn L và bà Nguyễn Thị Hhiện bà Trương Hồng N đang giữ, kèm theo hồ sơ kỷ thuật khu đất mang tên ông Vương Văn L và bà Nguyễn Thị H do phòng Quản lý Phát triển Đô Thị lập ngày 18/9/2003; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5001050748 ngày 29/4/2005 do UBND thành phố L cấp mang tên ông Vương Văn L, bà Nguyễn Thị H cho chủ sử dụng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Trương Hồng N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008857 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bị đơn bà Vương Thị Mỹ V phải chịu 12.250.000 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bà Vương Thị Mỹ L phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về nghĩa vụ thi hành án:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L;
- THADS Tp.L;
- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu VP.

Lê Huỳnh Bích Tuyền